

Số: 513 /KH-UBND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2020

Theo kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, đầu năm 2016, toàn tỉnh có 34.083 hộ nghèo, chiếm 14,42% và 29.859 hộ cận nghèo, chiếm 12,64%; đầu năm 2017, có 28.885 hộ nghèo, chiếm 12,0% và 31.106 hộ cận nghèo, chiếm 12,92%; đầu năm 2018, có 23.219 hộ nghèo, chiếm 9,48% và 29.466 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 12,03% tổng số hộ toàn tỉnh.

Trong đó:

** Phân loại hộ nghèo theo nhóm đối tượng:*

- Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội: 7.741 hộ, chiếm tỷ lệ 33,34%
- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 4.513 hộ, chiếm tỷ lệ 19,44%
- Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi NCC: 1.101 hộ, chiếm tỷ lệ 4,74%.
- Hộ nghèo khác: 10.819 hộ, chiếm 46,6% tổng số hộ nghèo.

Như vậy, hộ nghèo còn lại sau khi trừ hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là: 15.478 hộ, chiếm 6,3% tổng số hộ toàn tỉnh.

** Phân loại hộ nghèo theo khu vực:*

- Thành thị: 1.278 hộ, chiếm tỷ lệ 5,5% tổng số hộ nghèo.
- Nông thôn: 21.941 hộ, chiếm tỷ lệ 94,5% tổng số hộ nghèo.

** Phân loại hộ nghèo theo thu nhập và tiếp cận đa chiều:*

- Hộ nghèo về thu nhập: 21.262 hộ, chiếm 91,6% tổng số hộ nghèo.
- Hộ nghèo thiếu hụt đa chiều: 1.957 hộ, chiếm 8,4% tổng số hộ nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong tổng số hộ nghèo của tỉnh (năm 2016: 24,91%, năm 2017: 27,76%, năm 2018: 33,34%). Đầu năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh cao thứ 22/63 tỉnh, thành của cả nước; gấp 1,46 lần và tỷ lệ hộ cận nghèo cao gấp 2,47 lần so với bình quân chung của cả nước (Tỷ lệ hộ nghèo cả nước: 8,23%, hộ cận nghèo: 5,41%). Tỷ lệ hộ cận nghèo của tỉnh cao gấp 1,07 lần hộ nghèo, trong khi đó, tỷ lệ hộ cận nghèo của cả nước bằng 0,65 lần hộ nghèo.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của sự cố môi trường biển đầu năm 2016, bão lụt nghiêm trọng năm 2016, 2017, nhưng kết quả giảm nghèo đã vượt chỉ tiêu đề ra, năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,42% (từ 14,42% xuống 12,0%), năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,52% (từ 12,0% xuống 9,48%).

Để tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu về giảm nghèo đến năm 2020 trong Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 13/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch 1500/KH-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh về thực hiện giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm.

2. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình đến các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của người dân và cộng đồng, các cấp, các ngành đối với công tác giảm nghèo, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị với các giải pháp đồng bộ, toàn diện, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

II. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

- Ít nhất 05 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- 90,6% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 60% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới;

- 95% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 90% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm.

- 100% hộ nghèo có nhà ở kiên cố, đảm bảo 3 cứng (móng cứng, khung cứng, mái cứng).

- Thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20-25%/năm; bình quân

mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án, mô hình thoát nghèo, cận nghèo.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình trực tiếp phục vụ phát triển sản xuất tạo việc làm, phù hợp với quy hoạch nông thôn mới và điều kiện phát triển sản xuất của từng địa bàn nhằm tạo thu nhập ổn định giúp người dân thoát nghèo bền vững.

- 60 - 65% lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu đều được hỗ trợ đào tạo nghề; Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 35.000 đến 36.000 lao động, trong đó: Số lao động được tạo việc làm từ 18.500 đến 19.000 người, số lao động được tạo thêm việc làm do thiếu việc làm từ 16.500 đến 17.000 người.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; 15 xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động cố định; có 7 huyện, thị xã, 50 xã được trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động; thiết lập 02 cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương.

- 100% các hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác;

- 500 hộ nghèo thuộc các dân tộc rất ít người, hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ phương tiện nghe - xem; 5.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thiết bị thu truyền hình vệ tinh phục vụ giảm nghèo thông tin.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

1. Kế hoạch giai đoạn 2018-2020

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo.

- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo.

- Tập trung tuyên truyền, vận động để thay đổi suy nghĩ, cách làm, thói quen của đồng bào dân tộc, hướng dẫn cách thức trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến, giúp họ tự tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về công tác giảm nghèo; khuyến khích nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, khắc phục tư tưởng muốn được vào hộ nghèo, hộ cận nghèo để được thụ hưởng chính sách của một bộ phận người dân.

2. Kế hoạch năm 2018

- Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,5%, hộ cận nghèo giảm từ 3,0 - 3,5% so với năm 2017.

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nội dung, mức chi hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại kỳ họp lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa XVII (vào giữa năm 2018) để làm căn cứ triển khai thực hiện.

- Tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 13/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch 1500/KH-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh về giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm;

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin.

- Tập trung triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo từ nguồn kinh phí chương trình MTQG giảm nghèo và kinh phí của tỉnh tại các địa phương, cơ sở, trong đó tập trung ưu tiên cho người dân có khả năng lao động tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã vùng dân tộc, miền núi, vùng bãi ngang ven biển, xã đăng ký xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo sâu sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 đảm bảo đúng phương pháp, quy trình, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân ở từng địa phương, cơ sở.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của người dân

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - TBXH: xây dựng Kế hoạch truyền thông về giảm nghèo; định hướng, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, UBND cấp huyện xây dựng nội dung tuyên truyền sát thực, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng để giảm nghèo thông tin.

1.1.1

- Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Quảng Bình chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - TBXH, các địa phương mở chuyên mục “Giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm” trên Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Quảng Bình.

- UBND cấp huyện, cấp xã: xây dựng kế hoạch truyền thông về giảm nghèo trên địa bàn huyện, xã.

2. Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, hướng dẫn phân loại hộ nghèo theo các nhóm đối tượng, nguyên nhân nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; tổng hợp, báo cáo và trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát; hướng dẫn các địa phương, cơ sở sử dụng hệ thống dữ liệu quốc gia về hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Sở Thông tin - Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện tổ chức điều tra, phân loại, tổng hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng thiết bị nghe nhìn làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo về thông tin.

- UBND cấp huyện tập trung chỉ đạo sâu sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân trên địa bàn, Kiên quyết loại bỏ tư tưởng ỷ lại, muốn được vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, luân phiên vào hộ nghèo; loại bỏ tình trạng nể nang, dè dặt, tách hộ, ghép khẩu để được hưởng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; xem xét đưa ra khỏi hộ nghèo những hộ gia đình trẻ có nhân lực, có sức lao động nhưng không chịu khó lao động.

Rà soát, phân tích rõ nguyên nhân dẫn đến nghèo, cận nghèo của từng hộ, nhóm hộ để có giải pháp tác động, hỗ trợ phù hợp và hiệu quả.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Các sở, ngành có liên quan: căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả.

- UBND cấp huyện: lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn cấp xã tổ chức thực hiện chương trình. Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn để hỗ trợ thực hiện công tác giảm nghèo, trong đó ưu tiên cho các địa bàn khó khăn; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

vu

- UBND cấp xã: tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo; chịu trách nhiệm chỉ đạo các thôn, bản; giúp đỡ, hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân như: thiếu kinh nghiệm, thiếu vốn, không có ý chí vươn lên thoát nghèo...; triển khai các nội dung hoạt động của chương trình giảm nghèo đến từng hộ gia đình.

4. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Sở Y tế xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về giáo dục;
- Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo về nhà ở;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo về tiếp cận dịch vụ nước sạch và vệ sinh;
- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ về thông tin;
- Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các chính sách pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: cơ quan quản lý Chương trình, chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo quy định:

+ Chủ trì thực hiện Dự án 1 (Chương trình 30a), Dự án 5 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình), hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo, truyền thông về giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Nâng cao năng lực dự báo và thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động; đẩy mạnh hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc diện Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT.

- Ban Dân tộc: chủ trì thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

thư

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì thực hiện Tiểu dự án 3 của Dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 2 và Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì thực hiện Dự án 4 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất; chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn đến năm 2020; đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông; điểm truy cập Internet; hệ thống phát thanh - truyền hình và hệ thống truyền thanh cơ sở với thiết bị, công nghệ hiện đại; đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở.

- Sở Kế hoạch - Đầu tư: Lồng ghép các nguồn vốn trên cùng địa bàn để đảm bảo thực hiện có hiệu quả, tránh dàn trải, manh mún; kêu gọi các nguồn vốn tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo.

- Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 để các sở, ngành, địa phương, cơ sở có căn cứ triển khai thực hiện.

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách đối ứng và các nguồn vốn để thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo; hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo quy định.

- Sở Giáo dục - Đào tạo: thực hiện đầy đủ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ gạo, tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; chế độ, chính sách thu hút giáo viên về công tác ở vùng đặc biệt khó khăn; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. Khích lệ, động viên, khen thưởng người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số tích cực học tập, nâng cao trình độ thông qua các phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, gắn với xây dựng xã, thôn văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới và chuẩn xã hội học tập.

- Sở Xây dựng: đẩy nhanh tiến độ thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo; chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với bão, lũ, lụt; rà soát lại quy hoạch, bố trí, sắp xếp lại đất ở dân cư; xóa bỏ tình trạng hộ không có nhà ở, hộ phải sống trong nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; đảm bảo diện tích nhà ở tối thiểu từ 8m²/người trở lên.

nm

- Sở Tư pháp: Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý, đặc biệt đối tượng là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo, huyện nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách để giúp họ có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi nhằm phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, vươn lên thoát nghèo.

- Đề nghị UBNDTTQ tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố: làm tốt công tác tuyên truyền, vận động ủng hộ người nghèo; hàng năm tổ chức phát động xây dựng Quỹ "Vì người nghèo". Nguồn Quỹ ủng hộ được để thực hiện hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, cộng đồng nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo.

Mặt trận phối hợp với UBND tỉnh, các ngành tích cực vận động và thực hiện các nội dung hỗ trợ người nghèo; tranh thủ tối đa các nguồn lực, đặc biệt là Quỹ Cứu trợ các cấp để hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng; kêu gọi vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, các nhà hảo tâm thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, cộng đồng nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, chính sách giảm nghèo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

* Ngân sách Trung ương: 373.297 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ theo năm: Năm 2018: 112.280 triệu đồng; Năm 2019: 130.860 triệu đồng; Năm 2020: 130.157 triệu đồng;

- Phân bổ theo Dự án:

+ Dự án 1: Chương trình 30a: 190.027 triệu đồng

+ Dự án 2: Chương trình 135: 164.317 triệu đồng

+ Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMH giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: 5.529 triệu đồng

+ Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 10.184 triệu đồng

+ Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: 3.240 triệu đồng.

nnu

*** Ngân sách tỉnh: 41.198,36 triệu đồng.**

- Vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo 2018-2020: 26.198,36 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm: 15.000 triệu đồng.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, các sở, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Lao động - TBXH để tổng hợp chung.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ nhiệm vụ trong kế hoạch này để xây dựng kế hoạch, đề ra giải pháp cụ thể phù hợp với từng địa phương, đơn vị, đảm bảo sát thực, hiệu quả và tiết kiệm; phân công lãnh đạo trực tiếp, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp, tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án do các cơ quan khác chủ trì thuộc các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ngành, đơn vị, địa phương mình nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án.

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TBXH;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các Sở, Ban, ngành có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Dũng



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO TỈNH GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 513 /KH-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Mục tiêu	Nội dung/ Kế hoạch hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, KHEN THƯỞNG					
1	Nâng cao nhận thức của người dân và xã hội về công tác giảm nghèo	Xây dựng Kế hoạch truyền thông, sản xuất các chương trình, phóng sự truyền hình, phát thanh thực hiện Chương trình	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động - TBXH, Đài Phát thanh - Truyền hình QB; Báo QB, các địa phương	Quý I hàng năm
		Mở chuyên mục “Giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm” trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình	Đài Phát thanh - Truyền hình QB, Báo Quảng Bình	Sở Lao động - TBXH, các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Hàng năm
		Thực hiện Kế hoạch “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý IV hàng năm
2	Khen thưởng, động viên, khuyến khích các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn trong thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm của tỉnh	Đề xuất UBND tỉnh, Chính phủ khen thưởng theo tiêu chuẩn tại Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Khen thưởng thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020	Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh	Sở Lao động - TBXH, các địa phương	Quý I hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung/ Kế hoạch hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
II. CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO					
1	Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân trên địa bàn	Xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của tỉnh	Sở Lao động - TBXH	Cục Thống kê	Tháng 8 hàng năm
		Xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo sử dụng thiết bị nghe - nhìn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động - TBXH, các địa phương, cơ sở	Tháng 8 hàng năm
		Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	Các địa phương, cơ sở		Trước ngày 10/12 hàng năm
2	Áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hướng dẫn các địa phương sử dụng	Sở Lao động - TBXH	Các địa phương	Quý II/2018
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN					
1	Người nghèo tiếp cận với y tế	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về y tế	Sở Y tế	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018
2	Người nghèo tiếp cận với giáo dục	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về giáo dục	Sở Giáo dục - Đào tạo	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018
3	Người nghèo tiếp cận với nhà ở	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về nhà ở	Sở Xây dựng	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018
4	Người nghèo tiếp cận với nước sạch và vệ sinh	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về nước sạch và vệ sinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018

TT	Mục tiêu	Nội dung/ Kế hoạch hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Người nghèo tiếp cận với thông tin	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận về thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018
6	Người nghèo tiếp cận với các chính sách pháp luật	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các chính sách pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018

IV. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, NÂNG CAO THU NHẬP

1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo	Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về mức hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - TBXH, các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý II/2018
2	Giải quyết việc làm cho người lao động; thúc đẩy sự phát triển tích cực của thị trường lao động nhằm kết nối cung - cầu lao động để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trong tỉnh.	Kế hoạch giải quyết việc làm/giao chỉ tiêu giải quyết việc làm cho các địa phương hàng năm	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý I hàng năm
3	Mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành có liên quan, các địa phương	Quý I hàng năm

